

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 05-01-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo
Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đường Hạc Vương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại Hội trường 4 - trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2023/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp S, xã X, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Văn T.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2022, các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, anh, chị thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên nhậu nhẹt thiếu trách nhiệm gia đình, khi mâu thuẫn còn có những lời lẽ thô tục, chửi bới vợ con, thiếu tôn trọng với người lớn trong gia đình, nhiều lần chị đã cố gắng khuyên anh T thay đổi, sửa chữa nhưng anh T không quan tâm, ngày càng sống thiếu trách nhiệm với vợ con, khi mâu thuẫn anh T lại dùng bạo lực gia đình, đánh chị nhiều lần. Vì con, chị đã nhiều lần tạo cơ hội để anh T thay đổi, sống có trách nhiệm hơn, nhưng hiện tại chị không cảm thấy được hạnh phúc gia đình, càng ngày vợ chồng không có tiếng nói chung, hiện tại anh T về sống chung với ba mẹ anh tại xã Đ, huyện T và vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay, không có khả năng hòa giải đoàn tụ được. Nay chị xác định, chị và anh T không thể xây dựng gia đình hạnh phúc, vì vậy chị đề nghị Tòa án xét xử cho chị được ly hôn anh T. Do trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không tham gia giải quyết vụ án, nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì anh, chị không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Có hai con chung:

1. Cháu Lê Trần Hoài T, sinh ngày 21/7/2018.
2. Cháu Lê Trần Xuân T, sinh ngày 04/10/2021.

Hiện hai con do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, vì hiện hai cháu còn nhỏ và điều kiện chị nuôi con tốt hơn anh T, do anh T làm tài xế và thường xuyên nhậu nhẹt nên không đảm bảo khả năng nuôi con. Trước đây, chị có kinh doanh buôn bán ở chợ, nhưng do hiện tại các con còn nhỏ nên chị nghỉ bán để có thời gian chăm sóc hai con và đưa đón hai con đi học, chị có tích lũy thu nhập và đảm bảo kinh tế để nuôi con.

Về cấp dưỡng chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, để anh T tự nguyện theo khả năng.

Tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 14/7/2023 và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự tìm hiểu và tiến tới xây dựng gia đình với nhau từ năm 2017 nhưng đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và có lần anh đánh chị T là đúng nhưng mâu thuẫn theo anh không có gì trầm trọng, do trước đó anh làm ăn thua lỗ nên có nợ nhưng là nợ riêng của anh. Anh vẫn còn tình cảm với chị T, anh không

muốn vợ chồng ly hôn, nên nhiều lần có gọi điện nói chuyện với chị T nhưng chỉ nói được vài câu thì chị T tắt máy, không bàn bạc đoàn tụ được. Hiện tại anh và chị T sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Nay anh xét thấy anh và chị T không bàn bạc được với nhau, vì vậy chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung:

1. Cháu Lê Trần Hoài T, sinh ngày 21/7/2018.
2. Cháu Lê Trần Xuân T, sinh ngày 04/10/2021.

Hiện hai con do chị T nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Hoài T, giao chị T nuôi dưỡng cháu Xuân T. Về cấp dưỡng không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện tại anh làm công trình thu nhập của anh khoảng 30.000.000 đồng/tháng, do anh làm nghề tự do nên không có bảng lương cũng như mức lương cố định.

Từ khi ly thân đến nay, anh cũng có vài lần phụ chi phí cho chị T nuôi con, còn phụ bao nhiêu anh không nhớ.

Tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án sơ thẩm số 110/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T đối với bị đơn anh Lê Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Xử cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Lê Trần Hoài T, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Trần Xuân T, sinh ngày 04/10/2021.

Xử giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Vì quyền lợi của con trẻ, anh T được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh T bị hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 82 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp

dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/8/2023 bị đơn anh Lê Văn T kháng cáo đề nghị xét xử lại bản án sơ thẩm giao cháu Lê Trần Hoài T cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Lê Trần Xuân T cho chị T nuôi dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ do luật tố tụng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị T và anh T có hai con chung là cháu Lê Trần Hoài T, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Trần Xuân T, sinh ngày 04/10/2021. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hoài T, đồng ý giao cháu Xuân T cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo trình bày của anh T tại Tòa án cấp sơ thẩm, quá trình vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh T có hành vi bạo lực gia đình đánh chị T, như vậy sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của trẻ, bên cạnh đó cháu Hoài T và cháu Xuân T đều còn nhỏ (cháu Hoài T 06 tuổi, cháu Xuân T 03 tuổi), rất cần sự chăm sóc của người mẹ, từ khi vợ chồng ly thân năm 2022 đến nay thì hai cháu đang ở với chị T, được chị T chăm sóc chu đáo nên để tránh xáo trộn về mặt tinh thần, tâm lý cũng như sinh hoạt hàng ngày của các cháu Tòa án cấp sơ thẩm giao 02 cháu Hoài T và Xuân T cho chị T nuôi dưỡng là hợp lý, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, tạm thời chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T, chị T được quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Văn T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 110/2023/HNGĐ-ST ngày 01/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo anh Lê Văn T làm trong hạn luật định và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:

Chị T và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 12/4/2022 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện M, thành phố Hồ Chí Minh nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T đề nghị ly hôn anh T đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày không có nên không xem xét.

Anh Lê Văn T kháng cáo đề nghị xét xử lại bản án sơ thẩm giao cháu Lê Trần Hoài T cho anh T nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và giao cháu Lê Trần Xuân T cho chị T nuôi dưỡng.

Quá trình chung sống chị T, anh T có hai con chung tên Lê Trần Hoài T, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Trần Xuân T, sinh ngày 04/10/2021. Hiện do chị T nuôi dưỡng, ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, vì xét anh T đang khó khăn trong công việc nên để anh T tự nguyện theo khả năng.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc nuôi con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Nên việc giao con chung cho cha hoặc mẹ, ai là người nuôi dưỡng con chung phải đảm bảo quyền lợi của con trẻ và điều kiện chăm sóc con tốt theo khả năng của cha, mẹ. Tuy nhiên, theo lời khai của chị T và anh T trong quá trình vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh T có hành vi bạo lực gia đình đánh chị T và trong quá trình vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022, hai con chung do chị T nuôi dưỡng nhưng anh T cũng không thường xuyên thăm nom và phụ chi phí để cho chị T nuôi con. Tại cấp sơ thẩm khi được Tòa án triệu tập làm việc và hòa giải, anh T chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định, không tham gia làm việc, cho thấy anh T thiếu trách nhiệm đối với mối quan hệ hôn nhân với chị T. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T khai đang làm tài xế nhưng không chứng minh được mức thu nhập và đảm bảo đủ khả năng chăm sóc tốt cho con chung. Trong quá trình chị T nuôi con, anh T không chứng minh được chị T không đảm bảo việc nuôi con tốt. Hiện hai con chung còn nhỏ, cháu Lê Trần Hoài T lại là con gái cần có sự chăm sóc tốt của mẹ, cháu Lê Trần Xuân T hiện chưa đủ 36 tháng tuổi về nguyên tắc ly hôn phải giao cho mẹ nuôi dưỡng.

Cấp sơ thẩm đã xem xét để đảm bảo sự ổn định cho hai con chung, chị T đảm bảo điều kiện nuôi con tốt hơn anh T. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T, giao hai con chung cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của anh. Án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, nên không có cơ sở

chấp nhận kháng cáo của anh T, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T đối với bị đơn anh Lê Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Xử cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Lê Trần Hoài T, sinh ngày 21/7/2018 và Lê Trần Xuân T, sinh ngày 04/10/2021.

Xử giao cho chị Trúc được quyền nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Vì quyền lợi của con trẻ, anh T được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh T bị hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 82 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009146 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc

thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009917 ngày 15/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, anh T đã nộp đủ án phí.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai (1);
- TAND H.Long Thành (2);
- Chi cục THADS H.Long Thành (1);
- Dương sự (2);
- Lưu (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thị Xuân Đào

